

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HN&GD-ST

Ngày: 02 - 3 - 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Bình.

2. Ông Lưu Trọng Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2021/TLST-HN&GD, ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Viết T, sinh năm: 1960 – Vắng mặt có lý do;

Nơi cư trú: Số nhà A, đường số B, tổ C, Thôn C, xã NC, huyện DL, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Út E, sinh năm: 1978 – Vắng mặt có lý do;

Nơi cư trú: Tổ A1, thôn B1, xã DH, huyện DL, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 09/12/2021, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của ông Trần Viết T thể hiện:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Út E tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn vào tháng 5 năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh BT, số giấy chứng nhận kết hôn: 27, đăng ký ngày 10/5/2021. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, gây gổ. Bà Phạm Thị Út E cùng với chị em trong nhà thường xuyên đuổi ông đi, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến gây gổ, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do không tìm hiểu kỹ nên không hợp cách sống, không cùng quan điểm. Hiện nay ông xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng gì đối với bà E nữa. Nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà E.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai duy nhất lập ngày 24/01/2022, bà Phạm Thị Út E trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T tìm hiểu, yêu thương nhau và kết hôn, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH. Trong quá trình sinh sống, bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông T ghen tuông. Bà và ông T đã ly thân được hơn 01 tháng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về việc ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Và bà có nguyện vọng được xét xử vắng mặt do đi làm công ty không có thời gian đến tham gia phiên tòa và không có ý kiến, khiếu nại gì.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, Ông Trần Viết T không còn tình cảm cũng như không muốn tiếp tục sống chung với bà Phạm Thị Út E nên vợ chồng đã sống ly thân được 1 tháng cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không thể

tiếp tục hòa hợp, hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ và đúng pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 09/12/2021, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp về Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà E vắng mặt có lý do. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Ông Trần Viết T và bà Phạm Thị Út E có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2021, tại UBND xã ĐH. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ghen tuông vô cớ dẫn đến không có sự tôn trọng nhau, thường xuyên chửi mắng, gây gổ. Ông T và bà E đã sống ly thân với nhau được 01 tháng cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải nhằm hàn gắn cho ông bà về sống đoàn tụ với nhau nhưng bà E không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện ông T đã xác định không còn tình cảm yêu thương gì với bà E nữa, ông nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà E. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông T với bà E đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình

[5] Về con chung: Không có con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Viết T là người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa ông Trần Viết T và bà Phạm Thị Út E là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của ông T thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Trần Viết T.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Viết T ly hôn bà Phạm Thị Út E.

2. Về án phí: Ông Trần Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009017, ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DL. Ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú. (đã giải thích).

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND xã Đức Hạnh, Nam Chính;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa